

Số: 749 /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 05 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục; Luật Giáo dục Đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường ĐHSP Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 22/2001/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18/7/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định đào tạo chất lượng cao trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy của Trường Đại học Vinh tại phiên họp ngày 05/04/2022;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học chính quy tháng 04 năm 2022 cho 201 sinh viên (danh sách kèm theo), trong đó:

Stt	Ngành tốt nghiệp	Số lượng
1.	Chăn nuôi	1
2.	Chính trị học	5
3.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	4
4.	Công nghệ thông tin	19
5.	Công nghệ thực phẩm	2
6.	Công tác xã hội	4
7.	Giáo dục Mầm non	8
8.	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	1
9.	Giáo dục tiểu học	8

10.	Kế toán	26
11.	Kinh tế	4
12.	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	4
13.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	5
14.	Kỹ thuật xây dựng	5
15.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2
16.	Luật	20
17.	Luật kinh tế	14
18.	Ngôn ngữ Anh	8
19.	Nông học	2
20.	Nuôi trồng thủy sản	1
21.	Quản lý giáo dục	6
22.	Quản lý tài nguyên và môi trường	2
23.	Quản trị kinh doanh	5
24.	Quản trị kinh doanh chất lượng cao	1
25.	Sư phạm Địa lý	1
26.	Sư phạm Lịch sử	1
27.	Sư phạm Ngữ văn	6
28.	Sư phạm Tiếng Anh	6
29.	Sư phạm Toán học	10
30.	Sư phạm Vật lý	3
31.	Tài chính - Ngân hàng	9
32.	Việt Nam học	8
	Tổng:	201

Xếp loại:

- Giỏi: 09 sinh viên
- Khá: 105 sinh viên
- Trung bình: 87 sinh viên

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị liên quan; Trưởng các khoa, viện, trường và các sinh viên có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *đ*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Lưu: HCTH, ĐT.



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐỢT 1 NĂM 2022 (THÁNG 04/2022)

Kèm theo Quyết định số: **749/QĐ-ĐHV** ngày **05/04/2022** của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1	1755262010500003	NGUYỄN THỊ	THÚY	02/01/1999	Nữ	Giỏi	Chăn nuôi
2	155D3102010007	NGUYỄN VĂN	HÀO	10/12/1992	Nam	Khá	Chính trị học
3	1755231020140016	Xaivavong	Khaim	17/05/1996	Nữ	Trung bình	Chính trị học
4	135D3102010025	Lương Thị	Phanh	07/06/1994	Nữ	Trung bình	Chính trị học
5	1755231020100011	HỒ BÁ	RÊ	20/08/1994	Nam	Giỏi	Chính trị học
6	1255023765	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	29/06/1994	Nữ	Khá	Chính trị học
7	165TDV200188	NGUYỄN MINH	ĐỨC	23/04/1998	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
8	165TDV200433	MẠNH ĐỨC	LỘC	25/07/1998	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
9	155D5103010080	Nguyễn Đình	Ngọc	06/09/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
10	165TDV200120	ĐẶNG DUY	TIẾN	19/12/1998	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
11	165TDV200083	PHAN LÊ TUẤN	ANH	23/01/1998	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
12	165TDV200085	NGUYỄN CÔNG	CHIẾN	04/04/1998	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
13	145D4802010044	Nguyễn Trung	Đức	02/04/1995	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
14	155D4802010119	NGUYỄN CÔNG	DŨNG	20/08/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
15	165TDV200048	TRẦN HUY	DŨNG	18/01/1998	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
16	155D4802010036	LÊ VĂN	HÀ	15/01/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
17	165TDV200405	NGUYỄN THIẾT	HÀI	23/04/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
18	165TDV200461	ĐẶNG TRỌNG	HIẾU	16/09/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
19	165TDV200472	HỒ SỸ	HOÀN	24/09/1994	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
20	165TDV200473	LÊ VIỆT	HOÀNG	08/03/1998	Nam	Giỏi	Công nghệ thông tin
21	165TDV200456	NGUYỄN NGUYỄN	HOÀNG	06/11/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
22	165TDV200082	NGUYỄN PHẠM	HOÀNG	20/10/1998	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
23	165TDV200076	TRẦN XUÂN	HUYỀN	20/03/1998	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
24	165TDV200127	VĂN NGỌC	NHÁT	03/04/1998	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
25	135D4802010075	Lê Hữu	Phước	06/02/1995	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
26	165TDV200111	VŨ ĐỨC	QUÂN	12/02/1998	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
27	165TDV200129	VŨ VĂN	THIÊN	04/05/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
28	165TDV200145	NGUYỄN MINH	TRÍ	02/04/1998	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
29	165TDV200052	TRẦN HOÀI	UỐC	10/06/1998	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
30	165TDV200068	NGÔ LÊ HOÀNG	LÂM	05/09/1998	Nam	Khá	Công nghệ thực phẩm
31	165TDV200485	TỬ THI	THÚY	04/10/1997	Nữ	Trung bình	Công nghệ thực phẩm
32	1755276010100022	BÙI THỊ HOÀNG	ANH	07/03/1999	Nữ	Khá	Công tác xã hội
33	1755276010100032	CHÍCH VĂN	QUY	08/08/1998	Nam	Khá	Công tác xã hội
34	145D7601010049	Lữ Văn	Tài	23/04/1996	Nam	Trung bình	Công tác xã hội
35	145D7601010089	Lương Thị	Tý	04/10/1996	Nữ	Trung bình	Công tác xã hội
36	1755214011400025	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	22/04/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non
37	1755214011400029	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	27/01/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non
38	145D1402010094	Trần Thị	Đào	05/08/1995	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
39	1755214020110071	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	02/11/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non
40	145D1402010096	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	20/03/1995	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
41	165D14020100184	NGUYỄN THỊ	THÂN	04/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
42	165D14020100129	NGUYỄN HÀ	THƯƠNG	06/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
43	165D14020110239	LÊ NGUYỄN TƯỜNG	VY	08/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
44	1755214020816001	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	04/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục Quốc phòng - An ninh
45	1755214020210022	PHẠM THU	HÀ	10/03/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học
46	165TDV610410	NGUYỄN MAI	LINH	27/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
47	165TDV600166	VÕ THỊ KHÁNH	LINH	11/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
48	165TDV610390	HÀ THỊ BẢO	LỘC	25/01/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học
49	165D14020210282	LƯƠNG VĂN	NGHĨA	22/12/1997	Nam	Trung bình	Giáo dục tiểu học
50	165TDV600071	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	01/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
51	155D1402020019	Lô Thị Phương	Thảo	06/02/1996	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học
52	1755214020210021	LÊ THỊ	THÙY	25/08/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học
53	17552340201_200024	ĐẶNG THỊ	AN	05/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán
54	17552340201_200018	MAI THỊ HẢI	ANH	20/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán
55	1755234030100448	Nguyễn Thị Diệu	Hằng	22/11/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán
56	1755234030100039	NGUYỄN THỊ	HIỀN	22/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán
57	1755234030100415	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	17/09/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán
58	1755234030100360	Phan Thị	Hòa	30/12/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán
59	165TDV500114	HOÀNG THỊ	HƯƠNG	08/01/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
60	1755234030100225	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	14/09/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
61	165TDV100193	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LÊ	05/02/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
62	145D3403010179	Tô Phạm Mỹ	Linh	27/11/1996	Nữ	Trung bình	Kế toán
63	1755234030100119	TRẦN KHÁNH	LINH	27/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán
64	165TDV100672	NGUYỄN KHÁNH LY	LY	29/01/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
65	165TDV100266	VÕ THỊ	MÃN	14/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
66	17552340201_100002	LÊ ĐÌNH	NAM	28/09/1999	Nam	Khá	Kế toán
67	165TDV100531	LÊ THỊ PHƯƠNG	NGA	15/07/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
68	165TDV500021	LÊ THỊ KIM	NHUNG	12/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
69	165TDV100676	TRẦN THỊ	SƯƠNG	10/05/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
70	1755234030100271	NGUYỄN ĐĂNG NHẬT	THẢO	06/05/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán
71	1755234030100176	PHAN THỊ	THẢO	27/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán
72	1755234030100297	TRẦN ĐĂNG MINH	THƯ	09/11/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán
73	1755234030100042	PHAN THỊ DIỆU	THÚY	10/07/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán
74	165TDV100212	LÊ THỊ HUỖN	TRANG	07/06/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
75	155D3403010147	PHẠM THỊ QUỲNH	TRANG	07/02/1996	Nữ	Trung bình	Kế toán
76	165TDV100294	NGUYỄN CẨM	TÚ	22/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
77	1755234030100006	HỒ THỊ	VÂN	11/01/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán
78	1755234030100447	Trần Hà Diệu	Vy	21/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán
79	155D3101010008	ĐẶNG NHẬT HOÀNG	ANH	14/09/1997	Nam	Trung bình	Kinh tế
80	155D3101010050	PHAN THỊ NGỌC	KHÁNH	26/07/1997	Nữ	Trung bình	Kinh tế
81	1755231010100028	LÂM HƯƠNG	TRÀ	26/06/1999	Nữ	Trung bình	Kinh tế
82	1755231010100032	Lê Hoàng	Việt	24/03/1999	Nam	Trung bình	Kinh tế

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
83	165TDV200198	NGUYỄN VĂN	HÙNG	14/12/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
84	165TDV200416	TRẦN VĂN QUYỀN	LINH	02/03/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
85	165TDV200366	PHẠM LY	LY	05/12/1998	Nữ	Giỏi	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
86	165TDV200435	LÊ HUY	QUÂN	04/05/1998	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
87	145D5202160017	Nguyễn Thế	Cường	27/02/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
88	165TDV200383	BÙI XUÂN	HIẾU	26/09/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
89	135D5202163009	Đình Văn	Sáng	18/07/1995	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
90	165TDV200045	VÕ DUY	THÔNG	20/11/1998	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
91	1252065534	Lê Khắc	Tuyên	20/03/1992	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
92	155D5802080109	LÊ BÁ	CƯỜNG	31/10/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
93	1151060200	Trịnh Anh	Dinh	30/06/1993	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
94	165TDV200463	PHAN TẮT	KHÁI	09/02/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
95	1251065901	Vũ Văn	Son	15/08/1993	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
96	165TDV200484	MAI THANH	TÚ	01/01/1998	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
97	155D5802050067	PHÙNG ĐỨC	ĐẠT	28/08/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
98	145D5802050009	Phạm Văn	Minh	02/03/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
99	1755238010100282	LÊ HOÀNG	ANH	16/12/1999	Nam	Khá	Luật
100	155D3801012005	Hà Văn	Cánh	15/02/1995	Nam	Trung bình	Luật
101	185523801015001	Vừ A	Chung	21/12/1997	Nam	Khá	Luật
102	165TDV400534	ĐÌNH MINH	DUẤN	23/12/1996	Nam	Khá	Luật
103	1755238010100289	Hoàng Minh	Hiếu	19/08/1999	Nam	Trung bình	Luật
104	155D3801010071	NGUYỄN VIỆT	HÒA	30/08/1994	Nam	Trung bình	Luật

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
105	1755238010100102	PHẠM VIỆT	HUNG	14/10/1999	Nam	Khá	Luật
106	1755238010100190	TẶNG NGỌC	KIÊN	08/04/1999	Nam	Khá	Luật
107	155D3801010113	CAO THỊ	LIÊN	10/08/1997	Nữ	Khá	Luật
108	1755238010100255	Dương Hưng	Lộc	15/03/1995	Nam	Khá	Luật
109	1755238010100024	ĐOÀN THỊ KIM	LUYẾN	28/02/1998	Nữ	Khá	Luật
110	165TDV400490	LÊ VĂN	MẠNH	16/12/1998	Nam	Trung bình	Luật
111	1755238010100273	VŨ VĂN	MINH	10/08/1999	Nam	Khá	Luật
112	1755238010100103	NGUYỄN THÁI PHƯƠNG	NAM	08/04/1998	Nữ	Khá	Luật
113	1755238010100156	CAO THỊ	NU	18/01/1999	Nữ	Khá	Luật
114	135D3801010109	Vi Văn	Phong	03/03/1994	Nam	Trung bình	Luật
115	185523801015002	Sùng A	Tá	13/08/1997	Nam	Khá	Luật
116	165TDV400628	NGUYỄN DUY	THÍCH	01/05/1997	Nam	Khá	Luật
117	1755238010100011	NGUYỄN THỊ ANH	THU	20/11/1999	Nữ	Khá	Luật
118	1755238010100042	PHÙNG THỊ CẨM	TÚ	15/03/1999	Nữ	Khá	Luật
119	165TDV400056	NGUYỄN THỊ VIỆT	ANH	05/12/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
120	1755238010700083	LÒ THỊ	CÚC	04/02/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế
121	1755238010700198	Nguyễn Khắc Thành	Đạt	09/07/1999	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
122	1755238010700044	ĐẶNG THỊ	GIANG	18/07/1999	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế
123	1755238010700144	BÙI HUY	HOÀNG	21/09/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế
124	155D3801070220	TRẦN HỮU	HOÀNG	14/08/1997	Nam	Khá	Luật kinh tế
125	1755238010700092	HOÀNG VĂN	HÙNG	10/03/1999	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
126	1755238010700030	PHẠM ĐĂNG	HUNG	22/07/1998	Nam	Trung bình	Luật kinh tế

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
127	1755238010700227	PHAN KHÁNH	LINH	14/08/1997	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
128	1755238010700014	ĐẶNG TIẾN	NAM	20/10/1999	Nam	Khá	Luật kinh tế
129	165TDV400349	LÊ HOÀNG	NGUYỄN	21/10/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế
130	1755238010700011	HOÀNG HỒNG	QUÂN	04/11/1999	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
131	1755238010700143	HÀ LINH	TRANG	06/06/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế
132	165TDV400138	LƯƠNG THỊ TÚ	UYÊN	25/05/1998	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế
133	17552222020100177	Nguyễn Thị Hoàng	Cúc	16/11/1999	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
134	165D22020100003	NGUYỄN THỊ	HIỀN	17/06/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
135	17552222020100234	Lê Thị Linh	Huệ	13/03/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
136	17552222020100178	NGUYỄN THANH	HUYỀN	02/03/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
137	17552222020100065	VŨ TRẦN THÙY	LINH	19/05/1999	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
138	17552222020100078	TÔ THỊ	NHUNG	05/11/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
139	17552222020100232	Nguyễn Thị	Thu	16/08/1999	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
140	17552222020100066	PHẠM THỊ	TRANG	22/03/1999	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
141	165TDV300028	HỒ SỸ	ĐẠI	06/12/1998	Nam	Khá	Nông học
142	1755262010900004	Nguyễn Thị	Trang	08/09/1998	Nữ	Khá	Nông học
143	1755262030100016	Bùi Văn	Thông	26/05/1998	Nam	Khá	Nuôi trồng thủy sản
144	1755214011400025	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	22/04/1999	Nữ	Khá	Quản lý giáo dục
145	1755214011400029	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	27/01/1998	Nữ	Khá	Quản lý giáo dục
146	1755214011400033	Hoàng Thị Hải	Hàng	20/04/1999	Nữ	Trung bình	Quản lý giáo dục
147	1755214011400011	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	10/03/1999	Nữ	Khá	Quản lý giáo dục
148	1755214011400014	HOÀNG THỊ DƯƠNG	OANH	18/03/1999	Nữ	Khá	Quản lý giáo dục

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
149	1755214011400017	HOÀNG THỊ LÂM	OANH	16/04/1999	Nữ	Khá	Quản lý giáo dục
150	135D8501010676	Nguyễn Quốc	Đông	28/06/1995	Nam	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
151	155D8501012002	Mông Văn	Ngọc	03/10/1996	Nam	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
152	1755234010100120	HÀ THỊ THÙY	LINH	02/09/1997	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
153	1755234010100045	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	12/10/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
154	1755234010140162	Malaphone	Oy	18/06/1997	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh
155	165TDV100035	QUANG THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	02/07/1998	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh
156	165TDV100743	TRẦN THỊ VIỆT	TRINH	30/06/1998	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh
157	1755234010100033	Nguyễn Thị	Linh	19/06/1998	Nữ	Giỏi	Quản trị kinh doanh chất lượng cao
158	145D1402191073	Phạm Thị	Hiền	09/09/1995	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý
159	155D1402181045	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	01/05/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Lịch sử
160	1755214021710014	TRẦN THỊ	ANH	16/04/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
161	1755214021710036	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	09/03/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
162	165TDV600337	CẨM THỊ	LƯƠNG	25/08/1997	Nữ	Trung bình	Sư phạm Ngữ văn
163	165TDV600001	CHU THỊ HỒNG	LUYỄN	04/12/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
164	145D1402171068	Nguyễn Cẩm	Ly	16/08/1995	Nữ	Trung bình	Sư phạm Ngữ văn
165	145D1402171017	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	18/06/1996	Nữ	Trung bình	Sư phạm Ngữ văn
166	1755214023110070	PHẠM THỊ THU	HIỀN	12/08/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh
167	165D14023100006	NGUYỄN THỊ	HOÀI	29/06/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
168	165D14023100012	LÊ HƯƠNG	LY	22/10/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
169	1755214023110115	TRẦN GIA	PHONG	04/12/1999	Nam	Khá	Sư phạm Tiếng Anh
170	165D14023100014	NGUYỄN THUỶ	PHƯƠNG	02/05/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
171	155D1402311039	LÔ THỊ	THOM	13/10/1997	Nữ	Trung bình	Sư phạm tiếng Anh
172	1755214020910081	TRẦN THỊ KIM	CHI	03/08/1999	Nữ	Trung bình	Sư phạm Toán học
173	1755214020910077	NGUYỄN THỊ	HÀNG	20/08/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
174	1755214020910037	NGUYỄN THỊ	LÝ	28/12/1994	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
175	1755214020910093	HOÀNG LÊ HỒNG	MINH	17/06/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
176	155D1402091086	TRẦN ĐẠI	NGHĨA	04/08/1997	Nam	Khá	Sư phạm Toán học
177	165TDV510189	NGÔ HỒ	PHONG	19/10/1998	Nam	Trung bình	Sư phạm Toán học
178	165TDV500006	VÕ TRỌNG	PHƯỚC	06/09/1998	Nam	Trung bình	Sư phạm Toán học
179	1755214020910027	NGUYỄN THỊ ANH	THÚY	02/09/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
180	1755214020910038	Nguyễn Thị Lệ	Thủy	01/05/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
181	1755214020910057	CAO SỸ	TOÀN	29/08/1999	Nam	Khá	Sư phạm Toán học
182	145D1402111021	Phan Văn	Long	10/01/1996	Nam	Trung bình	Sư phạm Vật lý
183	145D1402111136	Cao Văn	Nam	02/10/1995	Nam	Khá	Sư phạm Vật lý
184	135D1402111025	Trần Thị Thu	Thanh	20/10/1995	Nữ	Trung bình	Sư phạm Vật lý
185	17552340201_200026	Nguyễn Hồng	An	23/07/1999	Nam	Khá	Tài chính - Ngân hàng
186	17552340201_200033	TRẦN HÀ	ANH	12/10/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
187	17552340201_200045	Nguyễn Hồng	Đức	19/10/1999	Nam	Khá	Tài chính - Ngân hàng
188	165TDV100641	VÕ TRỌNG	HIẾU	23/04/1998	Nam	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng
189	155D3402010114	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	26/04/1996	Nữ	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng
190	155D3402010119	PHẠM THỊ	KHUYỀN	10/12/1997	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
191	165D3402015002	Nguyễn Đình	Nhân	06/05/1992	Nam	Khá	Tài chính - Ngân hàng
192	17552340201_200031	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	10/08/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
193	17552340201_200038	TRƯƠNG THỊ HUƠNG	THẢO	21/10/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
194	1755222011300052	NGUYỄN THỊ QUỲNH	CHI	26/03/1999	Nữ	Khá	Việt Nam học
195	1755222011300018	PHẠM NGUYỄN MAI	CHI	22/01/1999	Nữ	Khá	Việt Nam học
196	1755222011300095	TRẦN THỊ	HÀ	11/11/1999	Nữ	Khá	Việt Nam học
197	1755222011300091	Tạ Thị Thuỳ	Linh	17/05/1999	Nữ	Khá	Việt Nam học
198	1755222011300058	HOÀNG ĐỨC	MANH	17/11/1999	Nam	Khá	Việt Nam học
199	1755222011300019	VƯƠNG TIỀN	NAM	05/11/1999	Nam	Khá	Việt Nam học
200	165TDV400568	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGOC	11/10/1998	Nữ	Trung bình	Việt Nam học
201	1755222011300033	BÙI THỊ	THÙY	20/04/1999	Nữ	Khá	Việt Nam học

Danh sách có 201 sinh viên tốt nghiệp./.